

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2035

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 03/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch hành động về Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026-2035; Tờ trình số 123/TTr-SYT ngày 20/4/2026 của Sở Y tế. Trước thực trạng bệnh tại tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Sơn La với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả dự phòng các cấp, chẩn đoán, điều trị và quản lý sau điều trị ung thư vú (UTV) và ung thư cổ tử cung (UTCTC) góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân cũng như các mục tiêu phát triển bền vững. Đến 2035 giảm tỷ lệ tử vong do UTV trung bình 2,5% mỗi năm; Giảm tỷ lệ mắc mới UTCTC dưới 4/100.000 phụ nữ và giảm tỷ lệ tử vong dưới 1/100.000 phụ nữ, tiến tới loại trừ UTCTC.

2. Chỉ tiêu (chi tiết tại phụ lục kèm theo kế hoạch)

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Phụ nữ trong độ tuổi 40 - 70 tuổi (đối với UTV).
- Phụ nữ trong độ tuổi 30 - 49 tuổi (đối với UTCTC).
- Trẻ em gái trong độ tuổi từ 9 - 15 tuổi.
- Cán bộ y tế đang làm việc trong lĩnh vực Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em (CSSKBMTE), y tế dự phòng ở tất cả các tuyến, ưu tiên cán bộ tuyến cơ sở.
- Cán bộ quản lý liên quan đến lĩnh vực CSSKBMTE, y tế dự phòng ở tất cả các tuyến.
- Chồng và gia đình của trẻ em gái, phụ nữ và các nhóm bị ảnh hưởng trong cộng đồng.

2. Phạm vi: toàn tỉnh Sơn La.

3. Thời gian: Giai đoạn 2026 - 2035.

III. NHÓM GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Nhóm giải pháp về chính sách và tài chính

- Vận động chính sách nhằm mở rộng danh mục chi trả BHYT cho cả sàng lọc, phát hiện và điều trị sớm UTV, UTCTC theo lộ trình, bảo đảm phụ nữ được tiếp cận dịch vụ miễn phí hoặc đồng chi trả thấp.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực đầu tư cho công tác dự phòng và sàng lọc UTV, UTCTC từ ngân sách trung ương và địa phương, các đối tác phát triển, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ. Ưu tiên bố trí ngân sách cho địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Khuyến khích mở rộng triển khai các phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng chăm sóc sức khỏe liên quan đến hoạt động phòng chống UTV, UTCTC.

- Lòng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, sàng lọc và điều trị tiên UTCTC vào các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ (*khám sức khỏe định kỳ; Chương trình mục tiêu quốc gia; Kế hoạch hành động quốc gia về phòng chống bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe phụ nữ...*).

- Hỗ trợ phụ nữ nghèo khám, sàng lọc và điều trị sớm UTV, UTCTC thông qua các chương trình, dự án của trung ương và địa phương, hợp tác trong nước và quốc tế, các quỹ nhân đạo, từ thiện.

2. Nhóm giải pháp về truyền thông, vận động, giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC cho người làm công tác quản lý ở các cấp, người có uy tín trong cộng đồng... Huy động sự tham gia của các đoàn thể và tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC.

- Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện đại chúng, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông, chú trọng đến đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ và điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi vùng, nhóm dân tộc. Ứng dụng các loại hình truyền thông mới như mạng xã hội, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, sân khấu tương tác... Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ. Phát triển các công cụ truyền thông sáng tạo: video tương tác, phần mềm nhắc lịch khám, ứng dụng tư vấn sức khỏe vú, CTC.

- Phát triển thông điệp truyền thông và triển khai truyền thông giáo dục sức khỏe theo hướng tập trung vào việc ngăn chặn các yếu tố nguy cơ gây ung thư phát triển trong cộng đồng.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông về phòng chống UTV, UTCTC. Lồng ghép truyền thông vào các chương trình sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và phòng chống bệnh không lây nhiễm. Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo trong công tác truyền thông cho phụ huynh và nhà trường nhằm tăng tỷ lệ bao phủ tiêm chủng HPV.

- Nâng cao năng lực thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe của cán bộ y tế các cấp, cán bộ các hội, đoàn thể, truyền thông viên tại cộng đồng tham gia vào các hoạt động truyền thông phòng chống UTV, UTCTC.

3. Nhóm giải pháp về nhân lực, nâng cao năng lực

- Đào tạo nhân viên y tế các cấp theo các quy trình đã được chuẩn hóa, đào tạo liên tục, chuyển giao kỹ thuật cho cấp dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc, đào tạo theo kíp về sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và theo dõi người bệnh UTV và UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế cũng như các khuyến cáo cập nhật của WHO.

- Đào tạo chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh vú (siêu âm, X-quang vú, MRI) và kỹ thuật sinh thiết lõi, giải phẫu bệnh; tế bào học, soi CTC, điều trị tổn thương sớm CTC; sinh thiết hạch gác, phẫu thuật bảo tồn, phẫu thuật tạo hình, xạ trị kỹ thuật cao.

- Phát triển các hình thức đào tạo trực tuyến, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa bằng công nghệ thông tin nhằm trao đổi thông tin, đào tạo, hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn từ các bệnh viện chuyên sâu cho cấp ban đầu.

- Đưa nội dung phòng chống UTV, UTCTC vào chương trình đào tạo tiền lâm sàng cho điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật viên hình ảnh (đối với UTV).

- Cải thiện chất lượng công tác chỉ đạo chuyên môn về dự phòng, sàng lọc, điều trị UTV, UTCTC; tăng cường giám sát hỗ trợ, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực này ở các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế công lập, y tế tư nhân.

4. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế để tăng cường năng lực chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC. Đảm bảo cung ứng vật tư, thuốc, sinh phẩm, và duy trì hệ thống bảo trì thiết bị định kỳ phục vụ cho dự phòng, sàng lọc và điều trị UTV, UTCTC.

- Trang bị máy X-quang vú kỹ thuật số, máy siêu âm, thiết bị sinh thiết, xét nghiệm mô bệnh học cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên.

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho phòng chống UTCTC tại cấp cơ bản, cấp ban đầu, đặc biệt các Trạm Y tế để đảm bảo công tác khám, sàng lọc ban đầu về UTCTC.

- Cung cấp trang thiết bị cần thiết (*hệ thống áp lạnh, máy LEEP, máy soi CTC...*) cho cơ sở y tế cấp cơ bản trở lên đủ khả năng điều trị tổn thương CTC và tiền UTCTC.

- Đầu tư, nâng cấp và phát triển các cơ sở khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa, ung thư của các bệnh viện chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc giảm nhẹ người bệnh UTV, UTCTC.

5. Nhóm giải pháp về chuyên môn kỹ thuật, khoa học và công nghệ

- Phát triển, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật, tài liệu đào tạo; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị, sau điều trị, tái khám và phục hồi chức năng, phát triển hỗ trợ tâm lý, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc giảm đau, tư vấn dinh dưỡng.

- Chuẩn hóa quy trình hội chẩn đa chuyên khoa tại tất cả cơ sở điều trị cấp tỉnh trở lên.

- Xây dựng các trung tâm vùng hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và hội chẩn từ xa cho các cơ sở trong khu vực.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông kết hợp cung cấp dịch vụ sàng lọc, điều trị tổn thương tiền ung thư lưu động tại vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, khu công nghiệp...

- Triển khai tư vấn, hỗ trợ chuyên môn qua các nền tảng số.

- Xây dựng phần mềm/trang Web tra cứu thông tin cho nhân viên y tế về các văn bản, quy trình sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh.

- Triển khai hiệu quả việc đưa vắc xin HPV vào chương trình Tiêm chủng mở rộng đúng lộ trình cho trẻ em gái theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Bên cạnh đó, tăng cường triển khai cung cấp vắc xin HPV với mức giá ưu đãi cho nhóm đối tượng nguy cơ cao khác ngoài nhóm đối tượng tiêm chủng mở rộng nhằm khuyến khích người dân tự nguyện phòng bệnh UTCTC.

- Triển khai thực hiện chương trình sàng lọc tùy theo sẵn có của test sàng lọc, năng lực cụ thể của các cơ sở y tế theo hướng dẫn chuyên môn cập nhật như: xét nghiệm HPV DNA đầu tay đơn lẻ, hoặc HPV mRNA, hoặc xét nghiệm tế bào học, hoặc VIA, hoặc Co-testing (*xét nghiệm HPV nguy cơ cao phối hợp tế bào học*) được chỉ định cho các phụ nữ trong độ tuổi 21-65 tuổi, đã quan hệ tình dục, ưu tiên cho nhóm phụ nữ trong độ tuổi 30-49 tuổi. Ưu tiên triển khai các kỹ thuật xét nghiệm HPV từ bệnh phẩm do nhân viên y tế lấy hoặc người phụ nữ tự lấy. Tiếp tục các

chương trình sàng lọc bằng tế bào CTC đảm bảo chất lượng cho đến khi xét nghiệm HPV DNA sẵn sàng.

- Nâng cao chất lượng điều trị UTCTC, xây dựng hệ thống chuyên phù hợp. Bệnh viện đa khoa tỉnh có kế hoạch kết nối nhằm giảm thiểu tiêu tốn nguồn lực và thống nhất phác đồ điều trị

6. Nhóm giải pháp về ghi nhận thông tin, theo dõi và giám sát

- Cập nhật bộ chỉ số, công cụ theo dõi, giám sát, đánh giá về công tác phòng chống UTV, UTCTC theo khuyến cáo của WHO (*tỷ lệ sàng lọc, tỷ lệ phát hiện sớm, thời gian chẩn đoán ≤ 60 ngày, tỷ lệ hoàn thành điều trị, tỷ lệ tử vong đối với UTV; tỷ lệ được tiêm phòng HPV, tỷ lệ sàng lọc, tỷ lệ điều trị đối với UTCTC...*).

- Tăng cường và nâng cao chất lượng theo dõi và giám sát bao gồm cả giám sát lồng ghép và hỗ trợ sau đào tạo trong triển khai trên diện rộng, trao đổi thông tin 2 chiều, đặc biệt cấp trên, cấp dưới đảm bảo theo dõi chương trình, kiểm tra độ bao phủ, hiệu quả và tác động.

- Lồng ghép việc ghi nhận thông tin về sàng lọc UTV, UTCTC vào Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản; duy trì, phát triển hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (*bao gồm UTV và UTCTC*); kết nối, chia sẻ thông tin giữa hai hệ thống.

- Nâng cao năng lực thông qua hình thức tập huấn/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu thu thập.

- Đào tạo nhân viên y tế sử dụng phần mềm quản lý, phân tích dữ liệu, đảm bảo bảo mật thông tin.

- Tổ chức giám sát định kỳ, đánh giá hiệu quả và báo cáo tổng hợp, cập nhật dữ liệu lên Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (*bao gồm UTV và UTCTC*).

III. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí trung ương cấp (nếu có).

2. Nguồn ngân sách tỉnh (*Sau khi Chính phủ, Bộ Tài chính giao dự toán cho ngân sách địa phương, hàng năm trên cơ sở dự toán do Sở Y tế lập, đề xuất Sở Tài chính rà soát, tổng hợp cân đối và tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán cho đơn vị đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và nhiệm vụ chi của đơn vị*).

3. Các nguồn kinh phí khác (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch.

- Chỉ đạo các đơn vị Y tế trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động Phòng chống UTV và UTCTC đạt hiệu quả.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về triển khai Phòng chống UTV và UTCTC cho nhân viên y tế từ tỉnh tới cơ sở.

- Ứng dụng công nghệ thông tin liên thông, kết nối các nền tảng cơ sở dữ liệu về sức khoẻ để quản lý sức khoẻ sinh sản.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá kết quả việc thực hiện các hoạt động của kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh cho các hoạt động phòng chống UTV và phòng chống UTCTC theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị liên quan sử dụng kinh phí chi cho các hoạt động phòng chống UTV và UTCTC.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông, tuyên truyền, giáo dục về phòng chống UTV và UTCTC trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định, cấp phép sản xuất, nhân bản các tài liệu truyền thông và hoạt động khác phục vụ truyền thông về bệnh khi có đề nghị.

4. Các Sở, ban, ngành khác

Phối hợp tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa của việc phòng chống UTV và UTCTC đồng thời phối hợp với ngành y tế triển khai các hoạt động phòng, chống khi có đề nghị.

5. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La

Phối hợp với Ngành y tế tuyên truyền, truyền thông về Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung góp phần đạt được mục tiêu phòng, chống bệnh vào năm 2035.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các Hội, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp phối hợp với ngành y tế lồng ghép, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Phòng chống UTV và UTCTC đến các đối tượng thành viên nhằm tác động thay đổi nhận thức, thái độ hành vi góp phần Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung trên phạm vi toàn tỉnh.

7. UBND các xã, phường

- Phối hợp với ngành y tế, các ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; hỗ trợ, bổ sung nguồn lực địa phương cho các hoạt động Phòng chống UTV và UTCTC trên địa bàn xã, phường.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng chống UTV và UTCTC.

- củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản và bố trí kinh phí chi trả phụ cấp cho nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản theo các quy định hiện hành.

- Tăng cường triển khai tiêm vắc xin cho các đối tượng thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng đảm bảo đạt tỷ lệ, an toàn, hiệu quả.

Yêu cầu các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX. NTQ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

Phụ lục
CHỈ TIÊU PHÒNG CHỐNG UNG THƯ VÚ VÀ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG
GIẢI ĐOẠN NĂM 2026 - 2035
(kèm theo Kế hoạch của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Chỉ tiêu	2026-2030	2031-2035
1. Mục tiêu cụ thể 1: Nâng cao hiệu quả dự phòng cấp 0 và cấp I đối với UTV và UTCTC.			
	<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Người trưởng thành được tiếp cận thông tin về UTV, UTCTC (nguy cơ, dấu hiệu, phương pháp dự phòng, sàng lọc) qua các kênh phổ biến, hiện đại (%)	70	90
b	Xã, phường triển khai chương trình truyền thông về tư vấn, khám sàng lọc UTV, UTCTC thường xuyên, có trọng tâm, phù hợp (%)	90	100
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
c	Trẻ em gái 9-15 tuổi được tiêm đủ liều vắc xin HPV tại các địa bàn triển khai theo Kế hoạch thực hiện Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Y tế (%)	90	90
2. Mục tiêu cụ thể 2: Tăng độ bao phủ sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC nhằm giảm tỷ lệ tử vong và cải thiện tỷ lệ sống thêm.			
	<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Xã, phường có triển khai hoạt động sàng lọc UTV và UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn (%)	90	100
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTV</i>		
b	Phụ nữ trong độ tuổi (từ 40-70 tuổi) được khám và sàng lọc định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn (%)	50	70
c	Phụ nữ có dấu hiệu nghi ngờ hoặc kết quả sàng lọc bất thường được chẩn đoán xác định trong vòng ≤ 60 ngày kể từ lần khám đầu tiên (%)	50	80
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
d	Phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 30 - 49 tuổi) được xét nghiệm sàng lọc UTCTC bằng phương pháp xét nghiệm hiệu năng cao theo Hướng dẫn Dự phòng và kiểm soát UTCTC và được xét nghiệm lại trước tuổi 45 vào năm 2035 (%)	35	70
3. Mục tiêu cụ thể 3: Đảm bảo chất lượng điều trị, chăm sóc liên tục, toàn diện và nhân văn đối với UTV và UTCTC.			
	<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Người bệnh được theo dõi và tái khám định kỳ, quản lý lâu dài sau điều trị theo tiêu chuẩn chuyên môn (%)	70	90
b	Cán bộ tại trạm y tế được đào tạo về khám sàng lọc, nhận	80	100

TT	Chỉ tiêu	2026-2030	2031-2035
	biết dấu hiệu nghi ngờ, tổn thương tiền ung thư và chuyển đúng quy trình (%)		
c	Cơ sở y tế y tế tuyến tỉnh có chức năng sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV và UTCTC có phác đồ và hướng dẫn chuyên môn cập nhật (%)	80	100
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTV</i>		
d	Trường hợp UTV được phát hiện sớm (giai đoạn I - II) (%)	40	60
e	Người bệnh UTV được điều trị đa mô thức; chăm sóc toàn diện và hoàn thành liệu trình điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	60	80
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
g	Phụ nữ được chẩn đoán tổn thương tiền ung thư hoặc UTCTC được phát hiện, xử trí đúng theo hướng dẫn chuyên môn (%)	80	90
4. Mục tiêu cụ thể 4: Đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững và công bằng trong tiếp cận dịch vụ.			
a	Bố trí nguồn kinh phí dành riêng cho hoạt động phòng chống UTV, UTCTC (%)	80	100
b	Các chương trình khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC (%)	80	100
5. Mục tiêu cụ thể 5: Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, và giám sát chương trình phòng chống UTV, UTCTC.			
a	Tỷ lệ hồ sơ sức khỏe điện tử của phụ nữ có tích hợp dữ liệu tiêm phòng HPV, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC (%)	70	100
b	Tỷ lệ nhân viên y tế tham gia cung cấp dịch vụ phòng chống UTV và UTCTC sử dụng Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản (%)	70	90
c	Các trường hợp UTV, UTCTC mới được phát hiện, ghi nhận theo dõi trên hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản và kết nối với hệ thống giám sát (%)./.	70	100